

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN Đ
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2020/DS-ST

Ngày: 28/02/2020

V/v: “Tranh chấp hợp đồng góp hui”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ, TỈNH ĐỒNG NAI**

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Thanh Hà

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trương Thị Lệ Thanh

2. Bà Nguyễn Thị Liệu

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Thắm - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ tham gia phiên tòa: Ông Vũ Văn Hội - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 02 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 137/2019/TLST-DS ngày 12 tháng 7 năm 2019 về “Tranh chấp hợp đồng góp hui” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2020/QĐXX-ST ngày 13 tháng 01 năm 2020 và Thông báo thay đổi thời gian mở phiên tòa số 01/2020/TB-TA ngày 11 tháng 02 năm 2020 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị C, sinh năm: 1960.

Địa chỉ: Số 1530/E, ấp Phú Tân, xã P, huyện Đ, tỉnh Đồng Nai.

Người đại diện theo ủy quyền của bà C:

Bà Đinh Thị Thúy Hà, sinh năm: 1984.

Địa chỉ: Số 1, ấp 2, xã Núi Tượng, huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai.

2. *Bị đơn:* Bà Phạm Thị Mai T, sinh năm: 1970.

Địa chỉ: Số 1731, ấp Phú Dông, xã P, huyện Đ, tỉnh Đồng Nai.

(Bà Hà có mặt, bà T vắng mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN

- Theo đơn khởi kiện ngày 15/5/2019, bản khai, biên bản đối chất, biên bản về việc kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, biên bản hòa giải và tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Đinh Thị Thúy Hà trình bày:

Ngày 15/10/2012, bà C có khai loại hui 2.000.000đ (hui có lãi) gồm 21 chân hui trong đó bà T chơi 01 chân hui. Đến ngày 15/02/2013, bà T hót hui được số tiền 27.040.000đ. Bà T đóng hui được 11 tháng còn 05 tháng chưa đóng, cuối từ

tháng 02/2014 đến tháng 6/2014 bà T còn phải đóng hội chết là 2.000.000đ/tháng, tổng cộng số tiền hội chết bà T còn phải đóng là $5 \times 2.000.000\text{đ}/\text{tháng} = 10.000.000\text{đ}$. Bà C đã nhiều lần đòi nhưng bà T không chịu trả. Nay bà C yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Phạm Thị Mai T phải thanh toán cho bà C số tiền hội gốc còn thiếu là 10.000.000đ và tiền lãi 5 năm (từ 15/6/2014 đến 15/6/2019) $\times 13.5\%/năm$ là 6.750.000đ. Tổng cộng là 16.750.000đ. Ngoài ra, bà C không có yêu cầu nào khác.

- Theo biên bản lấy lời khai, biên bản đối chất, biên bản về việc kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, biên bản hòa giải và tại phiên tòa bị đơn Phạm Thị Mai T trình bày:

Bà có tham chơi hội do bà C làm chủ hội gồm 16 chân hội, khai ngày 15/10/2012, mỗi chân hội 2.000.000đ, mỗi tháng đóng 01 lần còn ngày đóng thì bà không nhớ. Bà đóng được 03 tháng đến tháng thứ 04 thì bà hốt được 19.000.000đ, bỏ tiền lãi là 760.000đ và tiền đầu thảo cho bà C là 1.000.000đ. Bà tiếp tục đóng hội cho đến tháng 11 thì không đóng nữa, còn lại 05 chân hội (từ 15/02/2014 đến 15/6/2014) tương đương 10.000.000đ.

Khi chơi thì tất cả người chơi đều ký trước vào tờ chơi hội, bà chỉ ký duy nhất một lần vào tờ chơi hội khi bắt đầu chơi. Khi hốt hội thì bà không ký nhận giấy tờ gì, chỉ tính toán số tiền và nhận tiền mặt từ bà C. Bà C có đưa cho bà tờ hốt hội nhưng bà đã làm mất. Chữ ký và viết họ tên Phạm Thị Mai T trong tờ hốt hội là của bà nhưng nội dung không phải là dây hội mà bà chơi vì bà C yêu cầu người chơi ký trước rồi bà C điền nội dung sau.

Bà chỉ tham gia chơi 01 chân hội của dây hội do bà C làm chủ hội, gồm 16 chân, mỗi chân 2.000.000đ. Ngoài ra, không tham gia chơi dây hội nào khác của bà C. Bà không biết họ tên của người chơi trong dây hội mà bà tham gia.

Nay bà C khởi kiện, yêu cầu trả cho bà C số tiền hội gốc còn lại là 10.000.000đ và tiền lãi là 6.750.000đ thì bà không đồng ý, do khi dây hội bẻ thì bà đã đóng được 20.000.000đ số tiền hội, người chơi chỉ phải trả tiền gốc chứ không phải trả tiền lãi. Đồng thời, bà C cũng chỉ phải trả cho những chân hội sống trong dây hội này tiền gốc, không trả tiền lãi. Ngoài ra, bà không yêu cầu Tòa án giải quyết vấn đề nào khác.

- Quan điểm và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa:

Việc tuân theo quy định pháp luật của Thẩm phán và của Hội đồng xét xử: Thẩm phán và Hội đồng xét xử trong quá trình giải quyết vụ án cơ bản đảm bảo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Việc tuân theo pháp luật của đương sự: Nguyên đơn, bị đơn chấp hành đúng quy định tại Điều 70, 71 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Thẩm quyền giải quyết vụ án, quan hệ pháp luật, thời hiệu khởi kiện, tư cách đương sự, thủ tục công khai chứng cứ, hòa giải và giao nhận văn bản tố tụng: Tòa án xác định và thực hiện đúng theo quy định của pháp luật.

Về đường lối giải quyết vụ án: Chứng cứ trong hồ sơ thể hiện bà T có tham gia chơi hội do bà C làm chủ và còn nợ năm kỳ hội chưa đóng là 10.000.000đ. Bà T không đồng ý trả nợ hội nhưng không đưa ra được chứng cứ chứng minh là

đã trả nợ hui cho bà C. Do đó, bà C yêu cầu trả 10.000.000đ tiền nợ hui là có căn cứ chấp nhận. Về tiền lãi: Do thời hiệu khởi kiện vẫn còn và bà C yêu cầu tiền lãi phù hợp với Điều 476 của Bộ luật dân sự năm 2005 nên được chấp nhận. Đề nghị hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà C. Buộc bà T phải trả cho bà C 16.750.000đ.

Về án phí: Bà T phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của Nghị quyết 326 về án phí, lệ phí Tòa án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến phát biểu và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát, căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

- Về tố tụng:

[1] Về việc xét xử vắng mặt bị đơn bà Phạm Thị Mai T: Bà T có đơn yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt. Căn cứ các Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bà T.

[2] Về thời hiệu khởi kiện: Do bà T yêu cầu áp dụng thời hiệu (bút lục 47) nên căn cứ Khoản 2 Điều 184 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 xem xét thời hiệu khởi kiện. Căn cứ điểm 3 khoản 3 Điều 159 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2005 (sửa đổi bổ sung năm 2011) và Điều 427 Bộ luật dân sự năm 2005 thì thời hiệu khởi kiện là 02 năm kể từ ngày quyền và lợi ích hợp pháp bị xâm phạm. Theo các đương sự khai thì đây hui mà các bên tham gia chấm dứt vào ngày 15/6/2014 (bút lục 50). Bà C có đơn khởi kiện ngày 15/5/2019 (Tòa án nhận đơn ngày 07/6/2019). Theo bà C khai bà không khởi kiện bà T ngay là do bà T hứa bán nhà trả nợ nhưng khi bán nhà xong thì bà T không trả nợ. Bà đã đòi nhiều lần nhưng bà T không trả mà còn lớn tiếng với bà. Lần gần nhất (trước khi khởi kiện một tuần) bà đến yêu cầu bà T trả tiền hui nhưng bà T không trả mà nói “Tao không trả cho mày đâu. Mày đi thưa tao đi hầu”. Bà T thừa nhận lời trình bày này của bà C. Đồng thời, bà T cũng khai “Đáng lẽ tôi đã trả hết tiền nhưng khi bà C đến đòi thì chửi rửa tôi nên tôi không trả, bà C lên chỗ tôi thuê nhà đòi cách đây khoảng hai năm” (bút lục 50). Như vậy, căn cứ đơn khởi kiện, lời trình bày của các đương sự thì thời hiệu khởi kiện vẫn còn.

[3] Về quan hệ pháp luật: Theo đơn khởi kiện thì bà C yêu cầu bà T trả lại số tiền chơi hui còn nợ, nên xác định quan hệ pháp luật là “Tranh chấp hợp đồng góp hui”.

[4] Về xác định tư cách đương sự: Căn cứ Điều 68 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thì xác định bà Nguyễn Thị C là nguyên đơn, bà Phạm Thị Mai T là bị đơn.

[5] Về luật áp dụng: Các đương sự khai chơi hui năm 2012 nên áp dụng Bộ luật dân sự năm 2005 để giải quyết.

[6] Về điều luật áp dụng: Căn cứ vào thẩm quyền giải quyết, thời hiệu khởi kiện, quan hệ pháp luật, tư cách đương sự, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, quy định về chi phí tố tụng, án phí và quyền kháng cáo thì áp dụng các Điều 26,

35, 68, 147, 184, 220, 227, 228, 266 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 159 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2005 (sửa đổi bổ sung năm 2011); Điều 427, 476, 479 Bộ luật dân sự năm 2005; Điều 357, 468 của Bộ luật dân sự 2015.

[7] Tất cả các chứng cứ đã được Tòa án thông báo, công bố tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; đã photo cho các đương sự theo quy định của pháp luật và tại phiên tòa cũng đã công bố lại cho đương sự biết. Tại phiên tòa, nguyên đơn không cung cấp thêm chứng cứ nào khác.

[8] Về đường lối giải quyết vụ án:

Bà C yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Phạm Thị Mai T phải trả cho bà số tiền hui gốc còn thiếu là 10.000.000đ và tiền lãi 5 năm (từ 15/02/2014 đến 15/02/2019) x 13.5%/năm là 6.750.000đ. Tổng cộng là 16.750.000đ. Chứng minh cho yêu cầu khởi kiện bà C cung cấp biên nhận tiền hui có chữ ký của bà T (bút lục số 41).

- Xét yêu cầu trả 10.000.000đ tiền gốc: Bà C khởi kiện yêu cầu trả 10.000.000đ tiền hui gốc bà T còn nợ hui từ 15/02/2014 đến 15/6/2014 (5 tháng). Bà C cung cấp biên nhận hui mà bà T đã hót. Theo bà C thì nội dung biên nhận hui do bà viết, bà T ký tên và viết họ tên. Bà C và bà T thống nhất là bà T đã hót hui và đóng đến tháng 1/2014 thì ngưng, còn nợ lại 05 kỳ hui chưa đóng là 10.000.000đ. Bà T cho rằng nội dung trong biên nhận hui bà C cung không đúng vì bà hót hui chỉ có 19.000.000đ và đã đóng được 20.000.000đ, đây hui bà chơi chỉ có 16 người. Bà T thừa nhận chữ ký và chữ viết tên trong biên nhận hui do bà C cung cấp là của bà nhưng theo bà T, bà nhận biên nhận hui khác chứ không phải biên nhận mà bà C cung cấp cho Tòa án. Tuy nhiên, bà T không có chứng cứ chứng minh là bà nhận giấy biên nhận hui khác như bà khai, đồng thời bà T cũng thừa nhận là bà chỉ tham gia chơi 01 chân hui do bà C làm chủ, do đó, có đủ căn cứ xác định biên nhận hui do bà C cung cấp là đúng. Mặt khác, bà T không đồng ý trả nợ với lý do do đây hui này bị vỡ hui, những thành viên khác cũng không đóng nên bà không đồng ý yêu cầu của bà C. Tuy nhiên, qua lời khai của một số người làm chứng thì trong đây hui mà bà C đang tranh chấp với bà T thì hiện nay bà C vẫn phải trả nợ hui cho những chân hui chưa được hót. Qua chứng cứ và lời khai của đương sự thì có đủ căn cứ xác định bà T còn nợ bà C số tiền hui là 10.000.000đ. Bà T không đồng ý trả nợ cho bà C là không có căn cứ. Vì vậy, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà C, buộc bà T trả cho bà C 10.000.000đ tiền hui còn thiếu.

- Xét yêu cầu trả 6.750.000đ tiền lãi:

Khoản 2 Điều 30 của Nghị định 144/2006/NĐ-CP ngày 27/11/2006 của Chính phủ về Hui, họ, biều phường quy định: “Trong trường hợp thành viên không góp phần họ, chủ họ đã góp các phần họ thay cho thành viên đó thì thành viên phải trả cho chủ họ các phần họ chậm trả và khoản lãi đối với các phần họ chậm trả. Mức lãi do các bên thoả thuận, nếu không có thoả thuận hoặc không thoả thuận được thì áp dụng mức lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước công bố tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm trả các phần họ”.

Qua làm việc với người làm chứng bà Nguyễn Thị Thủy Tiên thì bà C vẫn trả tiền nợ hui cho bà Tiên và cho các thành viên khác thay cho bà T khi hui bị vỡ (bút lục 48), do đó bà C yêu cầu tiền lãi từ ngày 15/6/2014 đến ngày 15/6/2019 với số tiền 6.750.000đ (10.000.000đ x 5 năm x 13.5%/năm) là có căn cứ, đúng theo quy định tại Điều 476 của Bộ luật dân sự năm 2005 và Điều 30 Nghị định 144 nêu trên. Do đó, buộc bà T phải trả cho bà C tiền lãi là 6.750.000đ.

Từ những phân tích nêu trên, buộc bà T phải trả cho bà C tổng cộng tiền hui gốc và tiền lãi là 16.750.000đ.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

[8] Về án phí: Do yêu cầu của bà C được chấp nhận nên bà T phải chịu tiền án phí là 16.750.000đ x 5% = 837.500đ (làm tròn số là 837.000đ). Hoàn trả cho bà C số tiền 419.000đ tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0002423 ngày 12/7/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đ.

Quan điểm và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với chứng cứ trong hồ sơ vụ án nên chấp nhận.

Vì những lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Điều 159 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2005 (sửa đổi bổ sung năm 2011); các Điều 26, 35, 68, 147, 184, 220, 227, 228, 266 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng Điều 427, 476, 479 của Bộ luật Dân sự năm 2005;

Áp dụng Điều 357 và 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Áp dụng Nghị định 144/2006/NĐ-CP ngày 27/11/2006 của Chính phủ quy định về Hui, họ, biểu phường;

Áp dụng Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Áp dụng Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị C về “Tranh chấp hợp đồng góp hui” với bà Phạm Thị Mai T.

Buộc bà Phạm Thị Mai T phải trả cho bà Nguyễn Thị C số tiền 16.750.000đ (mười sáu triệu bảy trăm năm mươi ngàn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi

hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

3. Về án phí:

Bà Phạm Thị Mai T phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm là 837.000đ.

Hoàn trả cho bà Nguyễn Thị C 419.000đ tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0002423 ngày 12/7/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đ.

4. Bà Nguyễn Thị C được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bà Phạm Thị Mai T được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- VKSND huyện Đ;
- Chi cục THADS huyện Đ;
- Các đương sự;
- Lưu.

Phan Thanh Hà